

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày 15 – 03 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thanh Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đức Thà

Ông Hoàng Chí Côt

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh C tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

Triệu Văn T, sinh ngày 21/01/1974 tại L, H, C; Nơi cư trú: Xóm G, xã L, huyện H, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 05/12; Con ông: Triệu Văn T1, sinh năm 1930 và bà: Vương Thị Đ, sinh năm 1931 (đã chết); Vợ: Chung Thị T3, sinh năm 1974; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 04/2011/HSST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thông Nông (nay là huyện H), tỉnh C xử phạt bị cáo Triệu Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Bản án số 10/2012/HSST ngày 16/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Thông Nông (nay là huyện H) xử phạt bị cáo Triệu Văn T 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lục Thị Hoan – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Chung Thị T3, sinh năm 1974. Địa chỉ: xóm G, xã L, huyện H, tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 02/12/2023, Công an xã L và Công an huyện H phối hợp làm nhiệm vụ tại xã L, huyện H, tỉnh C phát hiện bị cáo Triệu Văn T đang điều khiển xe mô tô BKS 11T1 - 0581 có biểu hiện nghi vấn. Quá trình làm việc T khai nhận khi thấy lực lượng chức năng T đã nuốt 01 gói nhỏ heroine T mang theo. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu được dưới chiếu trên giường ngủ của T 01 gói chất bột màu trắng, T khai là heroin.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng vụ án, kết quả cân số chất bột màu trắng có khối lượng là 0,25 gam. Tại bản kết luận giám định số: 627/KL-KTHS ngày 11/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (Heroin), có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Bị cáo nhất trí với kết quả cân xác định khối lượng ma túy bị thu giữ và kết luận giám định của Cơ quan chức năng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: T bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2010, để có ma túy sử dụng T thường mua ma túy tại khu vực bến xe khách thành phố Thái Nguyên với nhiều người đàn ông khác nhau không biết họ tên, địa chỉ và một mình sử dụng hết. Ngày 29/11/2023 T từ nhà bắt xe khách xuống thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để tìm mua ma túy. Đến khu vực bến xe khách thành phố Thái Nguyên, T hỏi mua ma túy với một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ, T đưa số tiền 700.000 đồng thì người này đưa cho T 01 gói nhỏ heroine bọc bằng giấy nilon màu trắng. Mua được ma túy, T bắt xe khách về nhà và cất giấu ma túy trong phòng ngủ, mục đích để bản thân sử dụng. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02/12/2023, T trích một ít ma túy đã mua gói bằng giấy bạc cất vào túi áo khoác và điều khiển xe mô tô BKS 11T1 - 0581 đi ra khỏi nhà hướng ra xóm Nà Việt, xã L, đi được khoảng 500 mét thì bị lực lượng chức năng phát hiện, T đã nuốt gói heroine đó xuống bụng. Số heroine còn lại T cất giấu tại nhà Công an khám xét thu giữ được có khối lượng là 0,25 gam.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị T3 trình bày, chiếc xe máy bị cáo T mang đi mua ma túy là tài sản chung của vợ chồng bà, bị cáo T mang xe đi đâu, làm gì bà không biết, xin HĐXX trả lại xe cho bà làm phương tiện đi lại, ngoài ra bà T3 không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSHQ ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về trách

nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 14 đến 18 tháng tù; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng vụ án, đề nghị tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong bên trong là heroine đã thu giữ của bị cáo; trả lại cho bị cáo và bà Chung Thị T3 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 11T1-0518 và chìa khóa xe máy không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo. Về án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội danh, các điều luật áp dụng, và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt đề nghị HĐXX xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo còn khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn T không có ý kiến bào chữa bổ sung. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Điều tra viên Công an huyện H, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:* Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ; Biên bản khám xét; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng vụ án lấy mẫu giám định và niêm phong lại; Bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được thu thập hợp pháp, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 02/12/2023, lực lượng Công an huyện H khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Triệu Văn T đã thu giữ được 0,25 gam heroine, mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo ra trước Tòa án là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi cố ý gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Năm 2012 bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội phạm ma túy, nhưng vừa xóa án tích được một thời gian bị cáo lại tiếp tục phạm tội, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo sau này trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo có nhân thân xấu, nghiện ma túy, đã bị Tòa án kết án về tội đánh bạc và tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Đối với số heroine thu giữ của bị cáo là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11T1-0581, tại phiên tòa xác định chiếc xe là tài sản của bị cáo T và vợ là bà Chung Thị T3, không liên quan đến số ma túy đã thu giữ của bị cáo nên trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] *Các vấn đề khác:*

Về những người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Triệu Văn T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch cụ thể các đối tượng đó nên Hội đồng xét xử không có đủ căn cứ để xử lý trong vụ án. Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định pháp luật khi có đủ căn cứ chứng minh.

Về số ma túy bị cáo khai đã nuốt xuống bụng, trích từ số ma túy bị cáo mua 700.000 đồng. Trong quá trình điều tra, qua kiểm tra Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng, ngoài ra không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nên HĐXX không có căn cứ để xử lý.

[8] *Về án phí:* Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét các đề nghị của người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi heroine thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Triệu Văn T ngày 02/12/2023, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của cơ quan cảnh sát điều tra;

Trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị T3 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát: 11T1-0581, nhãn hiệu Honda FUTURE X màu sơn xanh đen trắng, có số máy: JC35E3218218, số khung: RLHJC3504AY409160, xe không có gương, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng và 01 (một) chìa khóa xe máy.

(Xác nhận toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên bản giao nhận vật chứng số 08 ngày 02/02/2024).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Triệu Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp;
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- CQTHAHS Công an tỉnh C;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã L;
- Bị cáo; NCQLVNLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lịch